

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
SẢN XUẤT BẢO NGỌC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25../2023/CBTT-BN

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2023

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**

Công ty: Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc

Trụ sở chính: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2 CN8, cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243 780 5022

Fax: 0243 780 5024

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Lê Đức Thuận**

Địa chỉ: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2 CN8, cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 0243 780 5022

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT ngày 18/05/2023

Thông tin này được công bố trên trang điện tử Công ty vào ngày 18/05/2023 tại đường dẫn: <https://banhbaongoc.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*Tài liệu đính kèm*

- Nghị quyết số 10/2023/NQ-HĐQT

Ngày 18 tháng 05 năm 2023

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Lê Đức Thuận**

Số: 10./2023/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Căn cứ:

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Sản Xuất Bảo Ngọc;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022;
- Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị số: 01./2023/BBHĐQT – BN ngày 18 tháng 05 năm 2023.

## QUYẾT NGHỊ

**Điều 1:** Thông qua việc triển khai thực hiện Phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho người lao động (“Chương trình ESOP”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc (Bảo Ngọc) năm 2022 theo phương án chi tiết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được quy định chi tiết tại nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐQT ngày 09/01/2023, cụ thể như sau:

1. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc;
2. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
3. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng;
4. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa: 990.000 cổ phiếu;
5. Tổng giá trị phát hành tối đa (theo mệnh giá): 9.900.000.000 đồng;
6. Giá phát hành ưu đãi chào bán cho NLĐ: 10.000 đồng;
7. Đối tượng chào bán: Người lao động trong Công ty và/hoặc Nhân sự chủ chốt tại Công ty;
8. Chuyển nhượng quyền mua: NLĐ không được chuyển nhượng quyền mua cho các đối tượng khác;
9. Xử lý cổ phiếu từ chối mua: Số lượng cổ phiếu còn dư chưa phân phối hết cho các NLĐ hoặc NLĐ không tham gia mua với mức giá mà HĐQT chào bán ban đầu thì ĐHĐCĐ sẽ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện phân phối cho NLĐ khác với

giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu và tuân thủ theo đúng tiêu chí của chương trình ESOP;

10. Hạn chế chuyển nhượng: Cổ phiếu chào bán cho NLĐ bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán;
11. Thời gian thực hiện dự kiến: Trong năm 2022 hoặc Quý I/2023 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.

**Điều 2: Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo trương trình lựa chọn cho người lao động.**

*Nội dung quy chế ban hành kèm theo nghị quyết này.*

**Điều 3: Thông qua Danh sách cán bộ nhân viên được mua cổ phiếu ESOP năm 2022:**

*Danh sách người lao động được mua cổ phiếu ESOP 2022 đính kèm nghị quyết này.*

**Điều 4:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký,

Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện nội dung này.

Nơi nhận:

- HĐQT, Ban TGD
- BKS (để B/c)
- CBTT, UBCKNN, Website
- Lưu VT.



*Lê Đức Chuẩn*

**QUY CHẾ PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU**  
**THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**  
**THEO NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**SỐ 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ NGÀY 20/04/2022**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 10.../2023/NQ-HĐQT ngày 18.../05.../2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc)*

**Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**ĐIỀU 1. PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty (“**Quy chế**”) áp dụng đối với cán bộ công nhân viên đủ tiêu chuẩn theo quy định đang làm việc tại Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc được quy định cụ thể tại Điều 9 của Quy chế.

**ĐIỀU 2. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT**

Trong Quy chế này, ngoại trừ ngữ cảnh và nội dung quy định thể hiện khác đi, các khái niệm và từ ngữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

- CBNV : Cán bộ quản lý, người lao động
- Công ty : Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc
  
- Cổ phiếu : Cổ phiếu của CTCP Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc
- Cổ phiếu ESOP : Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
- Chương trình ESOP : Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
  
- HĐLĐ : Hợp đồng lao động
- HĐQT : Hội đồng quản trị của Công ty
- Quy chế, Quy chế ESOP : Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty
- UBCKNN : Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

**ĐIỀU 3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH**

Chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty nhằm mục đích gắn kết lợi ích của người lao động với thành quả của Công ty, từ đó thúc đẩy động lực sáng tạo, chủ động trong công việc.

## **ĐIỀU 4. Ý NGHĨA CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

**4.1. Chương trình ESOP cho phép Cán bộ quản lý, người lao động cùng hưởng giá trị gia tăng mà Công ty tạo ra đồng thời đạt được những mục tiêu:**

- a. Ghi nhận những đóng góp của Cán bộ quản lý, người lao động của Công ty;
- b. Thu hút và gắn bó lâu dài những cán bộ chủ chốt tâm huyết, giàu năng lực, kinh nghiệm và nhân viên giỏi;
- c. Khuyến khích, nâng cao vai trò, trách nhiệm và quyền lợi của các cán bộ chủ chốt, nhân viên giỏi trong Công ty;
- d. Gắn lợi ích của nhân viên với lợi ích của Công ty; tạo động lực để nhân viên cùng phấn đấu và chia sẻ những thành công của Công ty;
- e. Đãi ngộ xứng đáng cho nhân viên.

**4.2. Đối với Cán bộ quản lý, người lao động:**

- a. Có thêm động lực làm việc, đồng hành và tiếp tục gắn bó, cống hiến cho sự phát triển của Công ty;
- b. Được hưởng các lợi ích khi Công ty tăng trưởng;
- c. Thu hút những thêm nhân lực xuất sắc mới và giữ chân những người tài giỏi trong Công ty.

**4.3. Đối với Công ty**

- a. Tạo dựng được đội ngũ Cán bộ quản lý, người lao động giỏi có kinh nghiệm, chuyên môn cao gắn bó lâu dài với Công ty.
- b. Hình ảnh Công ty ngày càng được nâng cao và tạo hiệu ứng tốt trong xã hội;
- c. Giá trị Công ty gia tăng sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn đầu tư vào Công ty, đáp ứng các mục tiêu phát triển trong dài hạn;
- d. Hạn chế lượng tiền mặt phải đưa ra cho các chương trình phúc lợi;

**4.4. Đối với cổ đông**

- a. Tạo sự ổn định về mặt nhân sự, từ đó góp phần tạo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hướng phát triển bền vững của Công ty;
- b. Giá trị tài sản của cổ đông tăng lên do Công ty tăng trưởng tốt;

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH VÀ ĐIỀU KIỆN KÈM THEO**

#### **ĐIỀU 5. CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH**

- 5.1. Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư sản xuất Bảo Ngọc
- 5.2. Tổng số cổ phiếu phát hành: **990.000 cổ phiếu**
- 5.3. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- 5.4. Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu**
- 5.5. Giá phát hành: **10.000 đồng/cổ phiếu**

- 5.6. Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: **9.990.000.000 đồng**
- 5.7. Đối tượng phát hành: Cán bộ quản lý điều hành, người lao động đủ tiêu chuẩn tại Công ty
- 5.8. Hạn chế chuyển nhượng: hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành (ngày kết thúc đợt phát hành là ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu của người lao động).

## **ĐIỀU 6. NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ PHÁT HÀNH**

Giá chào bán cổ phiếu của Chương trình ESOP cho người lao động là **10.000 đồng/cổ phiếu** đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2022, nhằm khuyến khích và ghi nhận những đóng góp của các đối tượng được tham gia chương trình ESOP.

## **ĐIỀU 7. ĐIỀU KIỆN KÈM THEO CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH**

CBNV được nhận cổ phiếu phát hành thêm theo Quy chế ESOP được xem là đồng ý với điều kiện kèm theo cũng như tất cả các quy định khác của Công ty có liên quan, trong đó chủ yếu bao gồm:

- 7.1. Thời gian hạn chế chuyển nhượng quy định tại Khoản 8 Điều 5. Hạn chế chuyển nhượng bao gồm cả việc hạn chế tặng, cho, góp vốn, dùng làm phần thưởng hoặc bất kỳ hình thức nào khác có thể dẫn đến việc thay đổi người sở hữu cổ phiếu.
- 7.2. Tự chịu trách nhiệm nộp thuế thu nhập cá nhân hoặc bất kỳ khoản thuế, phí nào khác phát sinh từ việc được nhận cổ phiếu phát hành thêm; thực hiện các quyền phát sinh từ cổ phiếu và chuyển nhượng cổ phiếu sau khi hết thời gian hạn chế.
- 7.3. Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, đối với các quyền phát sinh từ cổ phiếu phát hành theo Quy chế ESOP này, CBNV không bị hạn chế dưới bất kỳ hình thức nào đối với các trường hợp gồm: (i) thực hiện quyền bỏ phiếu tham dự Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản; (ii) thực hiện quyền nhận cổ tức, nhận cổ phiếu thưởng và (iii) thực hiện quyền mua chứng khoán.
- 7.4. Công ty không có bất kỳ cam kết nào dù bằng văn bản hay hàm ý bảo đảm giá trị cổ phiếu, sự pha loãng cổ phiếu xảy ra trước và sau khi phát hành cổ phiếu theo Quy chế ESOP này. CBNV có trách nhiệm tìm hiểu thông tin và được quyền quyết định từ chối toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu ESOP được phân bổ.

## **ĐIỀU 8. XỬ LÝ CỔ PHIẾU PHÁT HÀNH THEO CHƯƠNG TRÌNH ESOP**

### **8.1. Các trường hợp mua lại cổ phiếu:**

Công ty và/hoặc Công đoàn sẽ thực hiện mua lại số lượng cổ phiếu còn bị hạn chế chuyển nhượng của CBNV trong trường hợp sau: CBNV nghỉ việc trước thời hạn hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu với bất kỳ lý do gì (bao gồm cả việc Hợp đồng lao động hết hạn và không được công ty gia hạn) trừ trường hợp khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.

### **8.2. Các trường hợp không bị mua lại cổ phiếu:**

Chủ tịch HĐQT sẽ xem xét cho phép CBNV (hay người được thừa kế theo quy định của pháp luật) vẫn được hưởng trọn vẹn quyền lợi ESOP hoặc Công ty/ Công

đoàn sẽ mua lại cổ phần với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận (nhưng không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần) trong các trường hợp sau:

- CBNV thực hiện chế độ hưu trí đúng quy định của pháp luật hoặc được điều động, chuyển công tác theo quyết định của Công ty;
- CBNV bị chết hay mất sức lao động không thể tiếp tục làm việc tại Công ty;
- Đối với các trường hợp đặc biệt khác chưa được quy định ở trên, Chủ tịch HĐQT sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để ra quyết định mua lại số cổ phiếu ESOP vẫn còn bị hạn chế chuyển nhượng của CBNV.

### **8.3. Phân phối cổ phiếu mua không hết**

- Trường hợp CBNV được quyền mua cổ phiếu ESOP nhưng không nhận mua số cổ phiếu, có đơn xin nghỉ việc hoặc nghỉ việc trước hoặc trong thời điểm phát hành cổ phiếu thì số cổ phiếu này được HĐQT phân phối cho đối tượng khác theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, với điều kiện là không được phân phối theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện phát hành cho CBNV.
- Đối với những cổ phiếu đã phân phối cho cán bộ nhân viên nhưng bị thu hồi lại theo quy định, HĐQT sẽ quyết định việc phân phối số cổ phiếu thu hồi cho cán bộ nhân viên khác thuộc Công ty. Tiêu chí phân phối do HĐQT quyết định.

### **8.4. Giá mua lại cổ phiếu ESOP:**

Công ty sẽ thực hiện mua lại số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình ESOP vẫn còn bị hạn chế chuyển nhượng với giá không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phiếu.

### **8.5. Hình thức mua lại cổ phiếu ESOP:**

Tùy thuộc vào tình hình thực tế tại thời điểm mua lại cổ phiếu ESOP, HĐQT Công ty sẽ quyết định lựa chọn hình thức mua lại cổ phiếu ESOP là: Công ty mua lại cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ và/hoặc Công đoàn Công ty thực hiện mua lại cổ phiếu, cụ thể như sau:

- Trường hợp HĐQT thông qua phương án mua lại cổ phiếu ESOP theo hình thức Công đoàn Công ty thực hiện mua lại. Số lượng cổ phiếu này sẽ được dùng làm nguồn để phân phối cho CBNV khác theo nghị quyết của HĐQT. Công ty sẽ thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi để Công đoàn thanh toán tiền mua lại cổ phiếu của CBNV.
- Trường hợp HĐQT thông qua phương án mua lại cổ phiếu ESOP theo hình thức Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ và thực hiện giảm vốn điều lệ. Hội đồng quản trị sẽ ban hành quyết định mua lại phù hợp với quy định tại khoản 6 điều 36 Luật Chứng khoán, theo đó:
  - Tổng số lượng cổ phiếu của người lao động được Công ty mua lại để giảm vốn điều lệ phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên;
  - Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định nêu trên.

## **ĐIỀU 9. XỬ LÝ CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH**

8.1. Quyền mua cổ phần không được chuyển nhượng cho người khác.

8.3. Trong trường hợp hết thời hạn phân phối cổ phần theo quy định của pháp luật

(bao gồm cả thời gian được gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được HĐQT quyết định phân phối cho người lao động khác.

- 8.4. HĐQT quyết định xử lý các trường hợp khác không được quy định tại Quy chế này.

### **Chương III**

## **ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHÍ VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN BỔ**

### **ĐIỀU 9. ĐỐI TƯỢNG PHÁT HÀNH**

- 9.1. Thành viên Ban Tổng Giám đốc (thành viên ban Tổng giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT thì vẫn thuộc đối tượng phát hành), Kế toán trưởng và một số vị trí chức danh khác mà HĐQT nhận thấy có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Công ty sẽ được tham gia Chương trình ESOP.
- 9.2. CBNV Công ty được tham gia Chương trình ESOP là Ban điều hành, Cán bộ quản lý, người lao động ký hợp đồng chính thức với Công ty mà HĐQT nhận thấy có khả năng đóng góp cho sự phát triển của Công ty. Danh sách và số lượng cổ phần cán bộ nhân viên được quyền mua được HĐQT phê duyệt theo tiêu chuẩn sau:
- a. Đang làm việc và hưởng lương tại Công ty tính đến ngày 01/11/2022;
  - b. Đáp ứng các tiêu chí được xây dựng trên các cơ sở nêu tại Điều 10;
  - c. Chấp thuận các điều kiện kèm theo cổ phiếu được phát hành quy định tại Điều 7;
- 9.4. HĐQT có toàn quyền quyết định lựa chọn đối tượng phát hành cổ phiếu ESOP theo quy định tại Quy chế này. Quyết định của HĐQT là quyết định cuối cùng.

### **ĐIỀU 10. CƠ SỞ XÂY DỰNG TIÊU CHÍ**

Cơ sở để xây dựng tiêu chí đánh giá một Cán bộ quản lý, người lao động có thuộc đối tượng của Chương trình ESOP hay không bao gồm:

- 10.1. Khả năng phát triển và tiềm năng đóng góp vào sự phát triển của Công ty.
- 10.2. Có những đóng góp thiết thực vào kết quả làm việc, đem lại hiệu quả kinh doanh cho phòng ban và Công ty.
- 10.3. Cấp bậc nội bộ trong Công ty.

### **ĐIỀU 11. PHƯƠNG PHÁP TÍNH SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐƯỢC PHÂN BỔ**

Phương pháp tính số lượng cổ phiếu được phân bổ được dựa trên:

- 11.1. Tiêu chí phân phối:

| STT | Chức vụ đảm nhiệm                      | Hệ số chức vụ (Ha)                                |
|-----|--|---|
| 1   | Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng      | Theo hệ số chức vụ, cấp bậc đang hưởng từng người |
| 2   | Trưởng phòng/ Phó phòng và tương đương |   |



|   |  |  |
|---|--|--|
| 3 | Trưởng, phó bộ phận, Chức danh đặc thù                           |  |
| 4 | Người lao động đáp ứng các điều kiện tại Điều 10 của quy chế này |  |

11.2. Công thức phân phối:

Số lượng cổ phiếu phân bổ cho cán bộ A được xác định theo công thức:

$$Q_a = \frac{Q}{P} \times H_a$$

- $Q_a$ : Số lượng cổ phiếu được phân bổ cho nhân sự A.
- $Q$ : Tổng số lượng cổ phiếu phát hành theo Chương trình ESOP (\*)
- $P$ : Tổng điểm hệ số của toàn bộ CBNV thuộc chương trình ESOP (\*\*)
- $H_a$ : Bậc chức vụ của nhân sự A (Hệ số lương đang hưởng theo quy chế trả lương).

• **Trong đó:**

(\*)  $Q = 990.000$  cổ phiếu

(\*\*)  $P = (H_a + H_b + \dots + H_n)$

$\frac{Q}{P}$  làm tròn đến chữ số hàng trăm gần nhất.

## ĐIỀU 12. THỦ TỤC THỰC HIỆN QUYỀN

12.1. Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành theo quy định của pháp luật.

12.2. Cán bộ quản lý, người lao động đọc và hiểu rõ quy định của Quy Chế này.

12.3. Đăng ký mua cổ phiếu, thực hiện đúng trình tự, quy định theo thông báo của Công ty.

12.4. Công ty báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu, đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký thay đổi niêm yết với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

## Chương IV

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

## ĐIỀU 13. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Dự kiến trong năm 2022 hoặc Quý I/2023, ngay sau khi có chấp thuận của UBCKNN. HĐQT giao Chủ tịch HĐQT quyết định thời điểm triển khai cụ thể Chương trình ESOP, tuân thủ mốc thời gian dự kiến trên và theo quy định.

## ĐIỀU 14. GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

HĐQT giao Chủ tịch HĐQT giải quyết các khiếu nại phát sinh từ việc thực hiện Quy Chế này. Quyết định của Chủ tịch HĐQT là quyết định cuối cùng.

## **ĐIỀU 15. SỬA ĐỔI NỘI DUNG QUY CHẾ VÀ HƯỚNG DẪN THI HÀNH**

- 15.1. Trong quá trình triển khai việc phát hành cổ phiếu ESOP, HĐQT có toàn quyền sửa đổi, bổ sung các quy định trong Quy Chế nhằm đảm bảo việc triển khai thành công, lựa chọn những CBNV phù hợp với tiêu chuẩn, bao gồm cả các điều kiện kèm theo cổ phiếu phát hành trên nguyên tắc không sửa đổi theo hướng bất lợi hơn cho Cán bộ quản lý, người lao động đã mua cổ phiếu
- 15.2. HĐQT chủ động ban hành văn bản hướng dẫn về quy trình xử lý các trường hợp phát sinh (nếu có).

## **ĐIỀU 16. HIỆU LỰC THI HÀNH**

- 16.1. Quy Chế này gồm 4 chương, 16 Điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành.
- 16.2. HĐQT chịu trách nhiệm lựa chọn, phê duyệt danh sách các cá nhân tham gia đợt phát hành và số lượng cổ phiếu phân phối cho từng cá nhân căn cứ vào các điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định của Chương trình ESOP.
- 16.3. Toàn thể Cán bộ quản lý, người lao động tham gia chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện theo Quy Chế này.



**Lê Đức Thuận**



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC**  
**DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN ĐƯỢC MUA CỔ PHIẾU ESOP NĂM 2022**

Ban hành kèm theo Nghị quyết số : 10./2023/NQ-HĐQT ngày 18./05/2023

| STT                                     | Họ và tên            | Chức vụ                           | HỆ SỐ VỊ TRÍ CHỨC VỤ | Tổng hệ số | Ghi chú |
|---|----------------------|-----------------------------------|----------------------|------------|---------|
|   |                      |                                   |                      | 990000     |         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                        |                      |                                   | 296                  | 3.300,00   |         |
| <b>BAN ĐIỀU HÀNH VÀ QUẢN LÝ CẤP CAO</b> |                      |                                   | 170                  | 561.000    |         |
| 1                                       | Trần Xuân Vinh       | Tổng giám đốc                     | 30                   | 99.000     |         |
| 2                                       | Nguyễn Anh Đức       | Phó tổng giám đốc khối sản xuất   | 20                   | 66.000     |         |
| 3                                       | Hoàng Anh Chiến      | Phó Tổng Giám đốc khối dịch vụ    | 20                   | 66.000     |         |
| 4                                       | Bùi Thị Thanh Hương  | Phó Tổng Giám đốc khối kinh doanh | 20                   | 66.000     |         |
| 5                                       | Khổng Minh Tiến      | Giám đốc cung ứng                 | 20                   | 66.000     |         |
| 6                                       | Nguyễn Thị Thơm      | Giám đốc nhân sự                  | 20                   | 66.000     |         |
| 7                                       | Nguyễn Thị Xuân Hằng | Phó Giám đốc tài chính            | 20                   | 66.000     |         |
| 8                                       | Lê Thị Thanh Huyền   | Trưởng phòng kế hoạch             | 20                   | 66.000     |         |
| <b>Quản lý</b>                          |                      |                                   | 84                   | 277.200    |         |
| 9                                       | Lê Văn Hải           | Giám đốc kinh doanh miền Bắc      | 6                    | 19.800     |         |
| 10                                      | Nguyễn Xuân Trường   | Trưởng phòng Tài Chính            | 6                    | 19.800     |         |
| 11                                      | Lương Ngọc Quang     | Trưởng phòng Pháp chế             | 6                    | 19.800     |         |
| 12                                      | Đào Văn Hùng         | Giám đốc kênh MT                  | 6                    | 19.800     |         |
| 13                                      | Nguyễn Thị Thu Trang | Giám đốc bán hàng kênh KA         | 6                    | 19.800     |         |
| 14                                      | Cao Văn Nghĩa        | Giám đốc vùng 1 kênh GT           | 6                    | 19.800     |         |
| 15                                      | Nguyễn Thị Lan Anh   | Giám đốc vùng 2 kênh GT           | 6                    | 19.800     |         |
| 16                                      | Phan Văn Trình       | Giám đốc vùng 3 kênh GT           | 6                    | 19.800     |         |
| 17                                      | Lê Tú Ngân           | Trưởng phòng vận hành             | 6                    | 19.800     |         |
| 18                                      | Sái Thị Minh Thúy    | Trưởng phòng Marketing            | 6                    | 19.800     |         |
| 19                                      | Nguyễn Công Minh     | Trưởng phòng ISO và cơ điện       | 6                    | 19.800     |         |
| 20                                      | Lê Phương Thảo       | Trưởng phòng QC                   | 6                    | 19.800     |         |
| 21                                      | Phạm Thị Vân Anh     | Trưởng phòng Kế hoạch             | 6                    | 19.800     |         |
| 22                                      | Trần Quốc Tuấn       | Trưởng phòng cơ điện              | 6                    | 19.800     |         |
| <b>Nhân viên khối hỗ trợ</b>            |                      |                                   | 42                   | 138.600    |         |
| 23                                      | Đặng Thị Hương Liên  | Kế toán trưởng                    | 2,00                 | 6.600      |         |
| 24                                      | Đỗ Huyền Thủy        | Nhân viên Kế toán                 | 2,00                 | 6.600      |         |



|    |                       |                    |            |                |  |
|----|-----------------------|--------------------|------------|----------------|--|
| 25 | Lại Thị Thu Hà        | Kế toán tổng hợp   | 2,00       | 6.600          |  |
| 26 | Nguyễn Thị Hoa        | Nhân viên Kế toán  | 2,00       | 6.600          |  |
| 27 | Trần Thị Hoa          | Nhân viên Kế toán  | 2,00       | 6.600          |  |
| 28 | Văn Thị Lĩnh          | Nhân viên kế toán  | 2,00       | 6.600          |  |
| 29 | Tạ Thị Thảo           | Nhân viên kế toán  | 2,00       | 6.600          |  |
| 30 | Nguyễn Phương Anh     | Nhân viên kế toán  | 2,00       | 6.600          |  |
| 31 | Nguyễn Thị Thanh Loan | Nhân viên QC       | 2,00       | 6.600          |  |
| 32 | Nguyễn Hà Trang       | Thủ kho            | 2,00       | 6.600          |  |
| 33 | Dương Đắc Lâm         | Nhân viên pháp chế | 2,00       | 6.600          |  |
| 34 | Nguyễn Thị Huyền      | Nhân viên R&D      | 2,00       | 6.600          |  |
| 35 | Lê Thị Đông Hương     | Nhân viên R&D      | 2,00       | 6.600          |  |
| 36 | Trương Thị Hân        | Lễ Tân             | 2,00       | 6.600          |  |
| 37 | Lê Văn Tuấn           | Nhân viên kế toán  | 2,00       | 6.600          |  |
| 38 | Đỗ Thị Yến            | Cung ứng Vật tư    | 2,00       | 6.600          |  |
| 39 | Nguyễn Thị Thảo       | Nhân viên          | 2,00       | 6.600          |  |
| 40 | Phạm Thị Chinh        | Nhân viên Admin    | 2,00       | 6.600          |  |
| 41 | Doãn Thu Hà           | Nhân viên Admin    | 2,00       | 6.600          |  |
| 42 | Đỗ Thị Mai            | Nhân viên Admin    | 2,00       | 6.600          |  |
| 43 | Văn Thị Thu Hương     | Nhân viên Admin    | 2,00       | 6.600          |  |
|    | <b>Cộng</b>           |                    | <b>296</b> | <b>976.800</b> |  |



CHỦ TỊCH HĐQT  
*Lê Đức Thuận*